

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST

Ngày: 12-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Bình

2. Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/LST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T, sinh ngày 03/6/1990; nơi sinh: Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Kiến Thiết 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B, sinh năm 1953 và bà Lâm Thị T, sinh năm 1954; có vợ Nguyễn Hiền N, sinh năm 1993 và 01 con: Hoàng Nguyên P, sinh năm 2014; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ: Ngày 11/8/2017 đến ngày 15/8/2017, bị cáo được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa

2. Hoàng Thị Th, sinh ngày 05/3/1993; nơi sinh: Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Cấp Tiên 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B, sinh năm 1953 và bà Lâm Thị T, sinh năm 1954; có chồng: Trần Đình M, sinh năm 1990 và có 01 con: Trần Đình Đức V, sinh năm 2011; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ: Ngày 11/8/2017 đến ngày 15/8/2017; bị cáo được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Anh S, sinh ngày 10/10/1999; nơi sinh: Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Kiến Thiết 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1980; chưa có vợ và chưa có con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt: Quả tang, bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

4. Bùi Văn Th, sinh ngày 10/10/1999; nơi sinh: Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn AT, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; chưa có vợ; và chưa có con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt: Quả tang, bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

5. Trần Đình T, sinh ngày 14/8/1999; nơi sinh: Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Cấp Tiến 2, phường T; quận K, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình N, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; chưa có vợ và chưa có con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt: Quả tang, bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

- Người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Hiền N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Kiến Thiết 2, phường T; quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Hoàng Văn Tg, sinh năm 1977; nơi cư trú: Kiến Thiết 2, phường T; quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24/9/1999; nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa

3. Trần Ngọc T, sinh ngày 05/6/1999; nơi cư trú: Đầu Vũ 3, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tối ngày 10/8/2017, các bị cáo Hoàng Anh S, Bùi Văn Th, Trần Đình T và anh Trần Ngọc T đến nhà bị cáo Hoàng Văn T ở Kiến Thiết 2, phường T, quận K, Hải Phòng chơi. Tất cả cùng vào phòng ngủ vợ chồng Tiện, tại đây các bị cáo Hoàng Anh S, Bùi Văn Th, Trần Đình T, Hoàng Văn T nảy sinh ý định đánh bạc. Bị cáo Sao dùng kéo cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba thành 04 quân vị, bị cáo Tiện chuẩn bị 01 bát và 01 đĩa bằng sứ để trên 01 thảm đỏ để cho Bùi Văn Th, Hoàng Anh S thay nhau xóc cái cho những người còn lại đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức “xóc đĩa” đặt vào hai cửa chắn lẻ. Sau khi cân đối lượng tiền của người chơi đặt cửa chắn, lẻ ngang bằng nhau, thì người cầm cái sẽ mở bát. Khi mở bát, nếu trên đĩa có hai hoặc bốn quân vị có mặt giống nhau thì người chơi đã đặt tiền vào cửa chắn được xác định là thắng cuộc và ngược lại, nếu có một hoặc ba quân vị có mặt giống

nhau thì người chơi đã đặt tiền vào cửa lẻ thắng cuộc. Người cầm cái thu tiền của người thua cuộc và trả tiền cho người thắng cuộc tương ứng với số tiền họ đã đặt cược, mức đặt cược tối thiểu là 10.000 đồng, không giới hạn mức đặt cao nhất. Một lúc sau, bị cáo Hoàng Thị Th cũng vào trong phòng và tham gia cùng chơi. Đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày thì bị cơ quan Công an bắt quả tang Hoàng Văn T, Trần Đình T, Bùi Văn Th, Hoàng Anh S, Hoàng Thị Th đang đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà của Hoàng Văn T ở Kiến Thiết 2, phường T, quận K, Hải Phòng cùng vật chứng vụ án.

Tang vật thu giữ gồm: Số tiền 6.050.000 đồng dưới chiếu bạc và trên tay bị cáo Trần Đình T số tiền 1.100.000 đồng, cộng tổng số tiền thu trên chiếu bạc là: 7.150.000 đồng; 01 thảm đỏ, 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba.

Số tiền thu giữ trên người của bị cáo Trần Đình T 8.000.000 đồng; bị cáo Hoàng Anh S 792.000 đồng; của bị cáo Hoàng Thị Th để trong gói trên giường ngủ 7.015.000 đồng.

Ngoài ra, còn thu giữ của Trần Ngọc T 10.510.000 đồng, trong túi quần trẻ em trên giường của Nguyễn Hiền N 500.000 đồng, thu giữ ở cạnh giường 1.500.000 đồng và 08 điện thoại di động, 02 xe mô tô.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra lệnh khám xét khẩn cấp nhà của bị cáo Hoàng Văn T thu giữ 01 chiếc kéo.

Các bị cáo khai nhận về số tiền bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K thu giữ như sau: Hoàng Văn T có 400.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thua hết số tiền này; Hoàng Thị Th trước khi đánh bạc có 9.615.000 đồng, dùng 2.600.000 đồng để đánh bạc (khi bị bắt thua 600.000 đồng, còn 2.000.000 đồng cầm trên tay đã vất xuống chiếu bạc) còn 7.015.000 đồng dùng để nộp học cho con; Hoàng Anh S có 1.920.000 đồng, dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc, còn 792.000 đồng là tiền của chị gái gửi giữ hộ; Trần Đình T có 9.000.000 đồng, dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc, thắng 100.000 đồng, khi bị bắt có 1.100.000 đồng cầm trên tay, còn 8.000.000 đồng dùng để mua điện thoại; Bùi Văn Th dùng 500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thua hết số tiền này. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng để đánh bạc là khoảng 5.500.000 đồng; số tiền các bị cáo khai không sử dụng để đánh bạc là 15.807.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra quyết định xử lý các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo: Trả cho Bùi Văn Th 01 xe mô tô Espero màu trắng BKS 16AC-001.07. Trả cho: Chị Trần Ngọc T số tiền 10.510.000 đồng; chị Nguyễn Hiền N: 01 điện thoại Mastel, số tiền 500.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại Nokia 1202; ông Trần Đình N 01 xe mô tô Yamaha Jupiter BKS 16M2-2099.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 09/01/2018 của Viện Kiểm sát nhận dân quận K, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Thị Th, Bùi Văn Th, Trần Đình T, Hoàng Anh S đồng phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyền công tố luận tội và tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T mức án: Từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 đến 24 tháng, xử phạt bị cáo Hoàng Thị Th mức án: Từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Phạt tiền các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Thị Th mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 31; Điều 53; Điều 69; Điều 73 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Hoàng Anh S mức án: Từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Bùi Văn Th mức án: Từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Trần Đình T mức án: Từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: + Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 2; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 7.150.000 đồng ;
 - Tiêu hủy 01 thảm đỏ, 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn được cất từ vỏ bao thuốc lá Vinataba, 01 chiếc kéo.
 - + Căn cứ khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;
 - Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị Th số tiền 7.015.000 đồng, 02 điện thoại (01 Iphone 4, 01 Iphone 5);
 - Trả lại cho Bị cáo Hoàng Anh S số tiền 792.000 đồng, 01 điện thoại Samsung J5;
 - Trả lại cho bị cáo Trần Đình T số tiền 8.000.000 đồng;
 - Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 điện thoại di động Nokia 1280;
 - Trả lại cho bị cáo Bùi Văn Th 01 điện thoại Iphone 6 ;
 - Trả lại cho bị cáo Trần Đình T 01 điện thoại Samsung S6 gold
- Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo (Theo biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 09/01/2018 và Giấy ủy nhiệm chỉ ngày 12/01/2018)
- Trả lại cho chị Nguyễn Hiền Ngân số tiền 1.500.000 đồng; về án phí các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật

Lời nói sau cùng của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Tới ngày 10/8/2017, các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Thị Th, Bùi Văn Th, Trần Đình T, Hoàng Anh S đến nhà bị cáo Hoàng Văn T chơi, đến khoảng 20 giờ 30 phút các bị cáo rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền, bị cáo T đi lấy bát đĩa, còn bị cáo S đi lấy kéo (nhà T) để cắt quân vị; lúc đầu bị cáo Bùi Văn Th cầm cái, được một lúc thì bị cáo Sao cầm cái thay bị cáo Bùi Văn Th, hình thức đặt tiền vào các cửa chắn, lễ các bị cáo quy định đặt cửa tối thiểu là 10.000 đồng, tối đa không quy định, đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày thì Công an quận bắt quả tang, thu trên chiếu bạc gồm tổng số tiền là: 6.050.000 đồng và trên tay bị cáo Trần Đình T số tiền 1.100.000 đồng, cộng tổng số tiền thu trên chiếu bạc là: 7.150.000 đồng và vật chứng vụ án, ngoài ra chị Nguyễn Hiền N khai số tiền 1.500.000 đồng để cạnh giường là tiền riêng của chị N và chị đề nghị trả lại cho chị; lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, lời khai người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở xác định ngày 10/8/2017, tại nhà Hoàng Văn T ở Kiến Thiết 2, T, K, Hải Phòng, Hoàng Văn T và đồng phạm đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 7.150.000 đồng. Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Thị Th, Hoàng Anh S, Bùi Văn Th, Trần Đình T đồng phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự”.

Đánh giá tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, nhân thân các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này các bị cáo đều là người thực hành, cùng thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và cùng mục đích phạm tội đánh bạc (Điều 20 Bộ luật Hình sự), các bị cáo đều có nhân thân tốt và đều có địa chỉ, nơi cư trú rõ ràng, đối với bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Thị Th cần áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo; bị cáo Hoàng Anh S, bị cáo Bùi Văn Th, bị cáo Trần Đình T, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, cần áp dụng Điều 31; Điều 69; Điều 73 Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ theo quy định của pháp luật cũng đủ giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không

Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đối với bị cáo Hoàng Văn T là chủ nhà, chuẩn bị phương tiện và bị cáo Hoàng Thị Th là người đánh bạc với số tiền lớn nhất, khi phạm tội cả hai bị cáo đã thành niên, vì vậy hình phạt của hai bị cáo cao hơn so với các bị cáo khác; đối với bị cáo Hoàng Anh S là người chuẩn bị phương tiện và bị cáo Bùi Văn Th đều là người cầm cái, vì vậy hình phạt của bị cáo Sao cao hơn bị cáo Bùi Văn Th và bị cáo Trần Đình T.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Hoàng Văn T và bị cáo Hoàng Thị Th là lao động tự do, tuy nhiên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Văn T và bị cáo Hoàng Thị Th, mỗi bị cáo phải nộp 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước (khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự).

Về vật chứng:

+ Số tiền 7.150.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng việc đánh bạc, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

+ Số tiền 7.015.000 đồng của bị cáo Hoàng Thị Th dùng để nộp học cho con; số tiền 792.000 đồng của bị cáo Hoàng Anh S là tiền của chị gái gửi giữ hộ; số tiền 8.000.000 đồng của bị cáo Trần Đình T dùng để mua điện thoại, không liên quan đến việc đánh bạc cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

+ Số tiền 1.500.000 đồng của chị Ngân không liên quan đến việc đánh bạc nên trả lại cho chị Ngân.

+ 01 thảm đỏ, 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba, 01 chiếc kéo, là những dụng cụ dùng vào việc đánh bạc, xét không còn giá trị sử dụng, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy.

+ 01 điện thoại Samsung J5 của Hoàng Anh S; 01 điện thoại di động Nokia 1280 của Hoàng Văn T; 02 điện thoại (01 Iphone 4, 01 Iphone 5) của Hoàng Thị Th; 01 điện thoại Iphone 6 của Bùi Văn Th; 01 điện thoại Samsung S6 gold của Trần Đình T; các tài sản này là tài sản riêng của các bị cáo, không liên quan đến việc đánh bạc, trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo;

(Theo biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 09/01/2018 và Giấy ủy nhiệm chi ngày 12/01/2018).

Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Thị Th, Hoàng Anh S, Bùi Văn Th, Trần Đình T đồng phạm tội “Đánh bạc”.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 248; Điều 20; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng để giám sát giáo dục, gia đình bị cáo Hoàng Văn T có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Hoàng Văn T.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Th 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng để giám sát giáo dục, gia đình bị cáo Hoàng Văn T có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Hoàng Văn T.

+ Căn cứ khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự 1999 phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Văn T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước; phạt tiền bị cáo Hoàng Thị Th 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước

+ Căn cứ khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 31; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 69; Điều 73 Bộ luật Hình sự 1999;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Anh S 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng để giám sát giáo dục, gia đình bị cáo Hoàng Anh S có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Hoàng Anh S

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn Th 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng để giám sát giáo dục, gia đình bị cáo Bùi Văn Th có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Bùi Văn Th

- Xử phạt bị cáo Trần Đình T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng để giám sát giáo dục, gia đình bị cáo Trần Đình T có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Trần Đình T.

Về vật chứng:

+ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 7.150.000 đồng ;

- Tiêu hủy 01 thảm đỏ, 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba, 01 chiếc kéo.

+ Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị Th số tiền 7.015.000 đồng, 02 điện thoại (01 Iphone 4, 01 Iphone 5);

- Trả lại cho Bị cáo Hoàng Anh S số tiền 792.000 đồng, 01 điện thoại Samsung J5;

- Trả lại cho bị cáo Trần Đình T số tiền 8.000.000 đồng;

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 điện thoại di động Nokia 1280;

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn Th 01 điện thoại Iphone 6 ;

- Trả lại cho bị cáo Trần Đình T 01 điện thoại Samsung S6 gold

Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo (Theo biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 09/01/2018 và Giấy ủy nhiệm chỉ ngày 12/01/2018)

- Trả lại cho chị Nguyễn Hiền Ngân số tiền 1.500.000 đồng.

4. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTP;
- VKSND quận K, tp. HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận K; - Các bị cáo; UBND phường;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Nhân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31

tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)